TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – H phúc

Bản án số: 33/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 22 - 02 - 2018
" V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Mầm

Ông Lê Quốc Thới

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 342/2017/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp " *Xin ly hôn và nuôi con* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H, sinh năm 1988 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn A, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10.9.2017 và các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa chị Phạm Thị H (Nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh A kết hôn ngày 09/3/2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Cà Mau. Trong thời gian chung sống, vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn do anh A không lo làm ăn, không quan tâm gia đình nên đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Gia đình có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh A.

Về con chung: Chị và anh A có con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 08.11.2017, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cháu H và không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh A không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Đối với anh Trần Văn A, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh A biết về việc chị H yêu cầu xin ly hôn; yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung và nợ chung không có nhưng anh A không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập anh A để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh A vẫn vắng mặt nên không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với chị H và anh A được. Tòa án triệu tập anh A tham gia phiên tòa sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng anh A vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh A theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Chị H và anh A kết hôn ngày 09/3/2017, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị H và anh A được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, tại phiên tòa chị H trình bày giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng không có khả năng hàn gắn nên yêu cầu ly hôn. Phía anh A không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu ly hôn và cũng không yêu cầu đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh A có nhiều mâu thuẫn nhưng giữa vợ chồng vẫn không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, được gia đình hai bên hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh A theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Chị H và anh A có con chung là Phạm Ngọc H, sinh ngày 08.11.2017, hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu nuôi cháu H, phía anh A không có ý kiến gì về việc chị H yêu cầu nuôi con và anh A cũng không yêu cầu nuôi cháu H. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu H dưới 36 tháng tuổi, sống với chị H đã ổn định và chị H có đầy đủ điều kiện nuôi dạy tốt. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu H cho chị H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị H trình bày chị và anh A không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết, phía anh A không có ý kiến yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Chị H xác định chị và anh A không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:* Buộc chị H phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Trần Văn A.

Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc H, sinh ngày 08.11.2017 cho chị Phạm Thị H được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Trần Văn A không cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Trần Văn A không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị H và Anh Trần Văn A không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Phạm Thị H phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền chị H dự nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003792 ngày 02.10.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, chị H đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng Anh Trần Văn A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *UBND xã P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS- VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ TRÚC HẰNG